TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **86**/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Lò Văn D**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Chị **Cà Thị Hồng T**, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lò Văn D và chị Cà Thị Hồng T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lò Văn D và chị Cà Thị Hồng T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Anh Lò Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lò Tuấn A sinh ngày 04/3/2018 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của

cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, nương: Không có.

2.4. Về án phí:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh D và chị T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST. Anh D tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000129 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Anh D được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng. Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 – Điện Biên;
- UBND xã T, tỉnh Điện Biên (Nơi đăng ký kết hôn);
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Yên